

Thứ tư, ngày 12 tháng 5 năm 2021

Vietnam Daily Review

Sắc xanh bao phủ thị trường

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 13/5/2021		•	
Tuần 10/5-14/5/2021		•	
Tháng 5/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Sau nhịp giảm nhẹ hôm qua, VN-Index đã tăng mạnh trong phiên chiều. Dòng tiền đầu tư lan tỏa vào thị trường với 18/19 nhóm ngành tăng điểm bất chấp xu hướng bán ròng của khối ngoại trên cả 2 sàn HSX và HNX. Độ rộng thị trường duy trì trạng thái tích cực với thanh khoản giảm nhẹ ủng hộ nhịp tăng ngắn hạn của thị trường. Với dòng tiền nội ổn định, VN-Index nhiều khả năng sẽ kiểm tra lại ngưỡng 1280 điểm trong các phiên giao dịch tới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 12/5/2021, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở đều giảm. Giá trị giao giảm nhẹ.

Phân tích kỹ thuật: SSI_Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Cập nhật PLC (Trang 6)

Điểm nhấn

- VN-Index **+13.05** điểm, đóng cửa **1269.09**. HNX-Index **+2.57** điểm, đóng cửa **282.33**.
- Kéo chỉ số tăng: **TCB (+2.10); GVR(+1.86); STB (+0.85); CTG (+0.79); MSN (+0.78)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-1.08); VCB(-0.59); VHM(-0.27); EIB (-0.12); SAB (-0.09)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **19,359 tỷ đồng**, **-6.9%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 20,886 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 19.91 điểm. Thị trường có **309** mã tăng, 51 mã tham chiếu và **102** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-566.13 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm **HPG (-229.64 tỷ), NVL (-142.8 tỷ) và VIC (-102.2 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-10.57 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

VN-INDEX **1269.09**
Giá trị: 19359.55 tỷ **13.05 (1.04%)**
Khối ngoại (ròng): -566.13 tỷ

HNX-INDEX **282.33**
Giá trị: 1908.06 tỷ **2.57 (0.92%)**
Khối ngoại (ròng): -10.57 tỷ

UPCOM-INDEX **81.47**
Giá trị: 795.6 tỷ **0.4 (0.49%)**
Khối ngoại (ròng): -23.83 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	65.6	0.44%
Giá vàng	1,834	-0.20%
Tỷ giá USD/VND	23,057	0.03%
Tỷ giá EUR/VND	27,969	-0.29%
Tỷ giá JPY/VND	21,204	-0.08%
LS liên NH 1 tháng	1.3%	12.04%
LS TPCP 5 năm	1.2%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VPB	156.0	HPG	-229.6
STB	41.5	NVL	-142.8
GMD	26.0	VIC	-102.2
BVH	18.4	MSN	-53.9
SBT	17.5	PLX	-50.5
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cập nhật BSR	Trang 6
Cập nhật DRC	Trang 7
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 8
Thống kê thị trường	Trang 9
Khuyến nghị dài hạn	Trang 10
Báo cáo mới nhất	Trang 11
iBroker	Trang 12
Khuyến cáo sử dụng	Trang 13

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 12/5

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	65.40	0.18%	-0.40%	9.50%	100.12%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	68.64	0.13%	-0.50%	9.20%	70.62%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	213.70	-0.14%	-0.70%	8.40%	105.38%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1830.31	-0.39%	2.40%	5.60%	5.51%		PNJ
Bạc	USD/ounce	27.39	-0.84%	3.40%	10.40%	59.14%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1637.25	1.39%	6.20%	18.70%	94.91%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	748.50	0.91%	0.50%	18.60%	42.37%		AFX
Sữa	USD /cwt	18.89	0.16%	-0.90%	-2.50%	19.18%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	231.05	-0.56%	3.10%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	18.10	3.49%	5.70%	17.50%	64.85%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	150.10	1.38%	6.90%	16.20%	28.29%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	10460.00	0.75%	5.00%	16.10%	98.99%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	943.31	0.39%	12.70%	20.40%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	1022.72	1.86%	15.60%	23.40%			
Nhôm	USD/ton	2521.00	-0.40%	3.80%	10.40%	70.63%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	202.49	0.14%	18.30%	34.10%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	101.00	2.80%	10.10%	19.80%	63.03%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent tăng 23 US cent tương đương 0.3% lên 68.55 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI tăng 36 US cent tương đương 0.6% lên 65.28 USD/thùng.
- Tồn trữ dầu thô của Mỹ giảm 2.5 triệu thùng trong tuần gần đây nhất, trong khi tồn trữ xăng tăng 5,6 triệu thùng, Viện Dầu mỏ Mỹ cho biết.
- OPEC nâng dự báo nhu cầu nhiên liệu thêm 200,000 thùng/ngày và dự báo nhu cầu dầu toàn cầu sẽ phục hồi mạnh trong năm nay

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 1% xuống 1,816.9 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 6/2021 trên sàn New York giảm 0.1% xuống 1,836.1 USD/ounce.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2021 trên sàn Đại Liên tăng 1.7% lên 1,307 CNY/tấn. Giá quặng sắt 62% Fe giao ngay sang Trung Quốc tăng 19 USD lên 231 USD/tấn.
- Thép thanh kỳ hạn tháng 10/2021 trên sàn Thượng Hải tăng 4.6% lên 6,086 CNY (947.15 USD)/tấn. Thép cuộn cán nóng tăng 6.9% lên 6,540 CNY/tấn.
- Giá thép cây và thép cuộn cán nóng tại Trung Quốc đạt mức cao kỷ lục, do các mối lo ngại về hạn chế sản lượng và nhu cầu mùa vụ đạt mức cao đỉnh điểm, mặc cho sản giao dịch điều chỉnh phí.

Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 10/2021 trên sàn Osaka giảm 4.8 JPY tương đương 1.9% xuống 252.2 JPY/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 9/2021 trên sàn Thượng Hải giảm 2.6% xuống 14,165 CNY/tấn.
- Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BoJ) công bố biên bản cuộc họp hàng tháng cho rằng, các nhà hoạch định chính sách đang thận trọng về sự hồi phục của nước này sau đại dịch.

Giá nông sản

- Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 7/2021 trên sàn ICE tăng 2.1% lên 1.5115 USD/lb. Giá cà phê robusta kỳ hạn tháng 7/2021 trên sàn London tăng 0.9% lên 1,532 USD/tấn.
- Giá đường thô kỳ hạn tháng 7/2021 trên sàn ICE tăng 3.3% lên 18.07 US cent/lb. Giá đường trắng kỳ hạn tháng 8/2021 trên sàn London tăng 2.9% lên 479.4 USD/tấn.

	12/5	% 12/5	11/5	% 11/5	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1269.09	1.04%	1256.04	-0.28%	1.01%	2.15%
S&P 500			4152.10	-0.87%	-0.30%	0.56%
HĐTL S&P500	4132.25	-0.34%	4146.20	-0.89%	-0.66%	0.29%
Shang- hai	3462.75	0.61%	3441.85	0.40%	0.46%	-0.48%
Euro Stoxx	3943.73	-0.06%	3946.06	-1.92%	-1.48%	-0.46%

Phân tích kỹ thuật

SSI_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Ở trên giá trị 50.
- Đường MA: Xuất hiện Golden Cross.

Nhận định: SSI đang ở trong trạng thái đi ngang tích lũy tại khu vực 32-37 trong hơn 2 tháng nay. Thanh khoản cổ phiếu trong những phiên gần đây vẫn giữ giá trị ổn định. Các chỉ báo xu hướng hiện đang ở trong trạng thái khả quan. Chỉ báo động lượng RSI ở trên giá trị 50 đồng thời đường EMA12 vừa cắt lên trên đường EMA26 nên cổ phiếu tiềm năng sẽ thiết lập đà tăng trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của SSI nằm tại khu vực xung quanh 34.5. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại mức 43.5, cắt lỗ nếu ngưỡng 32.7 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

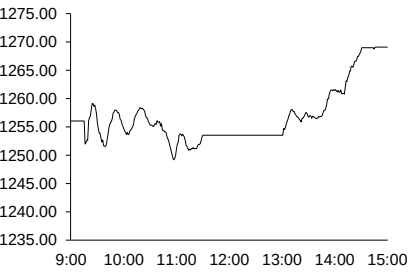
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Hóa chất	5.11%
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.89%
Dịch vụ tài chính	1.62%
Bán lẻ	1.48%
Ngân hàng	1.35%
Thực phẩm và đồ uống	1.20%
Tài nguyên Cơ bản	1.15%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.13%
Dầu khí	1.11%
Bảo hiểm	0.91%
Xây dựng và Vật liệu	0.74%
Truyền thông	0.56%
Du lịch và Giải trí	0.45%
Công nghệ Thông tin	0.31%
Ô tô và phụ tùng	0.17%
Bất động sản	0.14%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.07%
Viễn thông	0.00%
Y tế	-0.05%

Hình 1

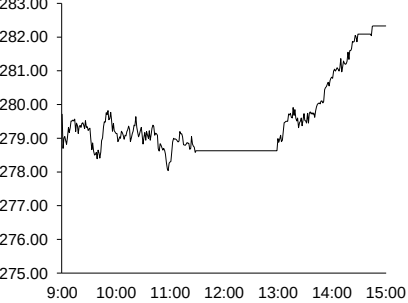
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
5/11/2021	MBS	25.7	35	22.5	26.5	1	3.11%	Có thể tiếp tục mua
5/10/2021	HCM	33.2	40.64	30.27	33.8	2	1.81%	Có thể tiếp tục mua
5/7/2021	TPB	29.1	36.5	27.5	31.95	5	9.79%	Có thể tiếp tục mua
5/6/2021	MBB	31.6	39	28.2	33.2	6	5.06%	Có thể tiếp tục mua
5/5/2021	HDB	29.05	33.3	25.3	30.2	7	3.96%	Có thể tiếp tục mua
5/4/2021	HLD	32	35.5	28.2	32.5	8	1.56%	Có thể tiếp tục mua
4/29/2021	NLG	36.3	41.5	34	39.65	13	9.23%	Có thể tiếp tục mua
4/28/2021	PAC	35.5	39.5	30.5	37.5	14	5.63%	Có thể tiếp tục mua
4/9/2021	FPT	82.1	96	72.5	85.4	33	4.02%	Có thể tiếp tục mua
2/22/2021	BCG	14.2	19.5	11.8	13.1	79	-7.75%	Cần nhắc cắt lỗ sớm

Chú thích:

(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt

(**) Tiệm cận giá mục tiêu

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
4/27/2021	VIX	35.05	41.5	30	SL	8	-14.41%
4/26/2021	DRI	10	12	9.5	SL	3	-5.00%
4/23/2021	LHG	36	39.8	34.2	SL	6	-5.00%
4/22/2021	HII	22	24.2	21.4	TP	6	10.00%
4/20/2021	HAX	24.15	28	21	TP	20	15.94%
4/19/2021	BMI	29.15	32.5	27	SL	7	-7.38%
4/16/2021	HPG	54.6	61	52	TP	21	11.72%
4/15/2021	NKG	25.35	30.5	22	TP	25	20.32%
4/14/2021	MSR	22.6	23.9	21	SL	8	-7.08%
4/13/2021	MSN	94.2	98.2	89.1	TP	3	4.25%
4/12/2021	TCB	42.15	46.5	38	TP	24	10.32%
4/8/2021	TNG	24.9	27.8	21.3	SL	14	-14.46%
4/7/2021	VRE	35.4	39	33.5	SL	9	-5.37%
4/6/2021	ANV	23.8	26.5	21.7	SL	14	-8.82%
4/5/2021	VCB	102	112.5	97	SL	9	-4.90%

Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất

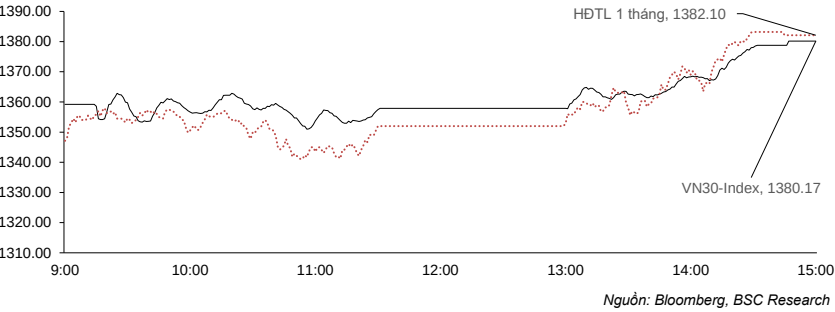
TP - Đã chốt lời
SL - Đã cắt lỗ

FS - Đóng vị thế sớm

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	9	1	4.91%	-7.75%	3.64%	17
Cổ phiếu đã chốt	138	82	13.34%	-8.06%	5.36%	28

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2105	1382.10	2.37%	1.93	10.0%	302,367	5/20/2021	10
VN30F2106	1378.00	2.29%	-2.17	20.2%	1,036	6/17/2021	38
VN30F2109	1372.90	2.32%	-7.27	6.8%	79	9/16/2021	129
VN30F2112	1368.90	2.70%	-11.27	44.2%	261	12/16/2021	220

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index tăng mạnh +20.98 điểm, lên 1380.17 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, STB, VPB, HPG, MSN tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch giằng co quanh 1355-1360 điểm, trước khi tăng mạnh cuối phiên lên quanh 1380 điểm. VN30 có thể vận động tăng trong những phiên tiếp theo.

• Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch , ngoại trừ VN30F2109, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2109, các hợp đồng đều tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CTCB2102	7/6/2021	55	2:1	721,600	35.45%	2,300	10,400	18.18%	6,763	1.54	57,200	48,000	49,250
CTCB2103	8/9/2021	89	2:1	1,019,000	35.45%	2,900	11,510	16.15%	7,116	1.62	41,300	35,500	49,250
CMSN2103	8/13/2021	93	6:1	543,700	38.52%	3,000	8,800	15.49%	3,140	2.80	106,000	88,000	104,000
CSTB2104	8/27/2021	107	1:1	339,900	42.59%	4,000	12,680	15.48%	4,610	2.75	26,900	22,900	26,350
CVPB2104	8/27/2021	107	3:1	300,700	37.42%	2,500	11,660	14.31%	5,367	2.17	56,500	49,000	64,000
CSTB2014	6/14/2021	33	1:1	419,200	42.59%	3,800	14,500	12.93%	14,401	1.01	15,800	12,000	26,350
CHPG2106	8/27/2021	107	2:1	493,200	33.18%	4,100	15,000	12.78%	6,817	2.20	58,400	50,200	62,700
CSTB2007	4/27/2021	15	2:1	777,100	42.59%	1,500	7,800	11.59%	7,686	1.01	13,999	10,999	26,350
CSTB2103	8/9/2021	89	2:1	834,800	42.59%	1,400	9,100	10.30%	4,306	2.11	20,800	18,000	26,350
CSTB2010	6/11/2021	30	2:1	474,500	42.59%	1,100	7,550	10.22%	7,199	1.05	14,199	11,999	26,350
CTCB2101	10/5/2021	146	1:1	316,900	35.45%	5,000	23,550	10.05%	8,763	2.69	36,000	31,000	49,250
CMBB2101	7/6/2021	55	2:1	746,400	33.18%	1,600	9,100	8.08%	3,711	2.45	29,200	26,000	33,200
CVPB2103	8/9/2021	89	2:1	471,900	37.42%	2,700	15,790	7.41%	13,961	1.13	41,900	36,500	64,000
CTCB2012	7/30/2021	79	1:1	405,100	35.45%	5,400	27,600	7.10%	27,475	1.00	27,400	22,000	49,250
CVPB2015	7/30/2021	79	1:1	249,200	37.42%	5,600	39,690	7.01%	38,266	1.04	31,600	26,000	64,000
CHPG2103	7/6/2021	55	2:1	187,800	33.18%	3,900	15,400	2.67%	10,500	1.47	49,800	42,000	62,700
CHPG2018	5/14/2021	2	4:1	714,900	33.18%	1,200	8,040	0.88%	8,177	0.98	34,799	29,999	62,700
CHPG2104	7/5/2021	54	3:1	350,600	33.18%	1,500	11,500	0.44%	6,074	1.89	49,300	44,800	62,700
CHPG2105	8/9/2021	89	2:1	466,600	33.18%	3,000	16,500	0.00%	10,600	1.56	48,000	42,000	62,700
Tổng				9,833,100	37.08%**								

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất

Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi

Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn

*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 12/5/2021, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở đều giảm. Giá trị giao giảm nhẹ.

• CHPG2108 và CHPG2107 tăng mạnh lần lượt là 35.83% và 21.03%. Giá trị giao dịch giảm -2.52%. CTCB2103 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 5.60% thị trường.

• CMSN2009, CKDH2001, CHPG2018, CVPB2102, và CTCB2012 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2101, CSTB2101, và CHPG2104 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVPB2015, CHPG2020, và CTCB2012 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX (KHẢ QUAN): NHU CẦU NHỰA ĐƯỜNG CAO

Mã cổ phiếu: PLC (HNX), Vốn hóa: 2,109 tỷ VND, Số lượng cổ phiếu lưu hành: 80.8 triệu cổ phiếu, Giá thị trường: 24,800 VND, Sở hữu nước ngoài: 1.09%

Chuyên viên phân tích: Thái Ngọc Lan Hương, CFA

Kế hoạch kinh doanh năm 2021: Công ty đặt kế hoạch DTT= 6,002 tỷ VND (+7% yoy), LNTT = 190 tỷ VND và LNST= 152 tỷ VND (+3% yoy), sản lượng 377 nghìn tấn/m3 (-10% yoy), và tỷ lệ cổ tức tối thiểu 12%. Cổ tức tiền mặt năm 2020 là 15% (trong đó đã tạm ứng 10% trong năm 2020).

Cập nhật tình hình kinh doanh Quý 1 năm 2021: LNTT dự đạt 46.8 tỷ VND (+49% YoY), hoàn thành 24.6% KH; trong đó LN mảng dầu mỡ nhờn dự đạt 37 tỷ VND, LN mảng nhựa đường dự đạt hơn 9 tỷ VND, và LN mảng hóa chất dự đạt 1,6 tỷ VND. Sản lượng đạt 104 nghìn tấn/m3 (+16% yoy), hoàn thành 27.6% KH.

Mục tiêu chiến lược giai đoạn 2019 - 2024: (1) Ổn định thị trường dầu nhờn, phát triển thêm các kênh bán hàng để giữ vững hiệu quả kinh doanh; (2) Nâng hiệu quả sử dụng vốn của ngành hàng nhựa đường, hóa chất lên ngang mức trả cổ tức (từ 1% - 6% lên mức 12% - 15%); và (3) Đẩy mạnh mở rộng sang thị trường các nước lân cận nhằm đảm bảo tăng trưởng tổng lợi nhuận trong nhiệm kỳ tới.

Triển vọng ngành nhựa đường: Từ năm 2020, nhiều dự án đầu tư công được triển khai và đẩy mạnh tạo nhiều cơ hội kinh doanh cho mảng nhựa đường. Ban lãnh đạo tiếp tục dự báo mảng kinh doanh này sẽ tăng trưởng mạnh mẽ trong giai đoạn 2021 - 2023.

Tuy nhiên, mảng nhựa đường dự báo sẽ chững lại trong Q2/2021 do các dự án giao thông trọng điểm vẫn đang ở giai đoạn làm nền, sau đó mới đến giai đoạn trải nhựa đường và hoàn thiện mặt đường. Bên cạnh đó, công tác tái xuất sang Lào và Campuchia đang gặp khó khăn và cần được cân nhắc do tình hình dịch bệnh bùng phát tại những nước này.

Quan điểm đầu tư: BSC khuyến nghị **KHẢ QUAN** đối với cổ phiếu PLC trong năm 2021 với **mức giá mục tiêu 31,500 VND/CP** (+27% so với giá đóng cửa ngày 06/05/2021) với dự phóng KQKD năm 2021 lần lượt là DTT = 6,890 tỷ VND (+23% yoy), LNST = 212 tỷ VND (+43%), EPS = 2,628 VND/CP với giả định (1) sản lượng nhựa đường +25% nhờ các dự án đầu tư cầu đường được đẩy mạnh, và (2) sản lượng dầu mỡ nhờn và hóa chất hồi phục về mức trước dịch.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	139.5	1.5%	1.0	2,884	5.0	9,051	15.4	3.8	49.0%	27.2%
PNJ	Bán lẻ	95.8	1.9%	1.0	947	0.9	4,974	19.3	3.8	49.0%	21.0%
BVH	Bảo hiểm	56.8	1.4%	1.5	1,833	2.2	2,548	22.3	2.1	27.3%	9.5%
PVI	Bảo hiểm	32.6	0.3%	0.5	317	0.0	3,809	8.6	1.0	54.3%	12.2%
VIC	Bất động sản	129.8	-0.9%	0.7	19,089	7.8	2,174	59.7	5.4	14.6%	9.0%
VRE	Bất động sản	31.2	0.6%	1.1	3,082	5.1	1,175	26.5	2.4	29.9%	9.3%
VHM	Bất động sản	97.7	-0.3%	1.1	13,973	14.9	7,874	12.4	3.5	22.5%	33.6%
DXG	Bất động sản	24.7	2.3%	1.3	555	6.2	(61)		1.9	33.7%	-0.5%
SSI	Chứng khoán	34.8	1.8%	1.4	977	15.1	2,776	12.5	2.0	45.9%	16.2%
VCI	Chứng khoán	71.0	4.1%	1.0	511	6.1	5,703	12.4	2.4	22.5%	22.1%
HCM	Chứng khoán	33.8	3.7%	1.5	448	7.0	2,462	13.7	2.2	47.6%	16.4%
FPT	Công nghệ	85.4	0.2%	0.9	2,930	6.8	4,718	18.1	4.0	49.0%	23.6%
FOX	Công nghệ	77.4	0.1%	0.4	921	0.0	5,165	15.0	4.5	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	86.4	1.3%	1.3	7,190	2.3	3,946	21.9	3.3	2.5%	14.9%
PLX	Dầu khí	53.3	0.6%	1.5	2,882	5.1	2,915	18.3	2.8	15.9%	16.8%
PVS	Dầu khí	22.2	3.3%	1.6	461	7.9	1,375	16.1	0.9	8.7%	5.4%
BSR	Dầu khí	15.9	3.2%	0.8	2,143	11.6	(909)	N/A	N/A	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	97.1	-1.1%	0.4	552	0.1	5,647	17.2	3.4	54.6%	20.2%
DPM	Hóa chất	18.3	-0.5%	0.7	311	0.8	1,928	9.5	0.9	14.7%	9.4%
DCM	Hóa chất	16.7	3.7%	0.6	383	1.3	1,122	14.8	1.4	3.4%	9.4%
VCB	Ngân hàng	97.3	-0.6%	1.1	15,690	5.2	5,709	17.0	3.6	23.4%	22.8%
BID	Ngân hàng	42.7	1.3%	1.3	7,458	6.1	2,048	20.8	2.2	16.8%	10.6%
CTG	Ngân hàng	45.0	1.8%	1.3	7,285	37.8	4,765	9.4	1.8	25.9%	20.9%
VPB	Ngân hàng	64.0	1.6%	1.2	6,831	91.0	4,626	13.8	2.8	22.4%	22.5%
MBB	Ngân hàng	33.2	1.5%	1.2	4,040	30.1	3,612	9.2	1.8	23.0%	21.6%
ACB	Ngân hàng	36.2	1.0%	1.0	3,397	14.0	3,992	9.1	2.1	30.0%	25.6%
BMP	Nhựa	58.4	0.3%	0.7	208	0.1	6,160	9.5	2.0	81.8%	20.3%
NTP	Nhựa	36.1	-1.4%	0.5	185	0.0	3,988	9.1	1.6	19.2%	17.8%
MSR	Tài nguyên	19.9	0.0%	0.7	951	0.2	39	510.3	1.6	10.1%	0.3%
HPG	Thép	62.7	1.1%	1.1	9,032	78.7	5,476	11.5	3.1	29.9%	31.3%
HSG	Thép	38.1	0.9%	1.3	737	24.5	5,262	7.2	2.1	8.4%	34.2%
VNM	Tiêu dùng	91.8	0.7%	0.7	8,342	12.6	4,682	19.6	6.1	55.2%	31.9%
SAB	Tiêu dùng	151.7	-0.3%	0.8	4,230	0.6	7,561	20.1	4.9	62.9%	26.7%
MSN	Tiêu dùng	104.0	2.5%	1.0	5,312	11.0	1,281	81.2	7.6	32.8%	5.1%
SBT	Tiêu dùng	21.5	6.5%	1.2	576	3.9	1,131	19.0	1.7	8.4%	8.7%
ACV	Vận tải	71.0	-0.4%	0.8	6,720	0.3	577	123.1	4.1	3.4%	3.4%
VJC	Vận tải	119.0	0.0%	1.1	2,802	2.7	2,256		4.3	19.0%	8.3%
HVN	Vận tải	27.9	1.1%	1.7	1,720	0.5	(9,327)		27.5	9.2%	-155.4%
GMD	Vận tải	37.7	2.9%	1.0	493	4.9	1,246	30.2	1.9	39.4%	6.2%
PVT	Vận tải	16.9	1.5%	1.3	237	1.3	2,281	7.4	1.1	12.5%	15.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	90.3	0.3%	1.0	628	0.9	8,479	10.7	3.4	3.9%	39.2%
VGC	Vật liệu xây dựng	33.0	0.0%	0.4	643	0.7	1,604	20.6	2.2	6.4%	10.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.5	0.9%	0.9	273	0.4	1,566	10.5	1.1	3.1%	11.0%
CTD	Xây dựng	59.7	0.8%	1.0	193	0.8	3,352	17.8	0.5	44.9%	3.0%
CII	Xây dựng	21.2	0.5%	0.5	220	2.0	56	380.1	1.1	30.1%	0.2%
REE	Điện	55.3	0.7%	-1.4	743	0.9	5,770	9.6	1.4	49.0%	16.3%
PC1	Điện	25.4	0.8%	-0.4	211	0.6	2,371	10.7	1.2	11.4%	13.2%
POW	Điện	12.5	1.2%	0.6	1,268	3.8	1,037	12.0	1.0	3.4%	8.6%
NT2	Điện	20.4	-0.2%	0.5	255	0.2	1,872	10.9	1.4	15.3%	12.8%
KBC	Khu công nghiệp	36.4	1.4%	1.1	743	7.0	1,639	22.2	1.7	20.7%	7.8%
BCM	Khu công nghiệp	54.7	0%	0.9	2,462	0.2			3.5	2.0%	

BSC

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TCB	49.25	4.79	2.10	23.55MLN
GVR	27.00	6.93	1.86	6.32MLN
STB	26.35	6.90	0.85	59.48MLN
CTG	45.00	1.81	0.79	19.60MLN
MSN	104.00	2.46	0.78	2.45MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VIC	0.00	-1.08	1.39MLN	1.11MLN
VCB	0.00	-0.59	1.22MLN	607060
VHM	0.00	-0.27	3.51MLN	373600
EIB	0.00	-0.12	445400	192700
SAB	0.00	-0.09	91400	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HCD	4.74	7.00	0.00	530700.00
ROS	7.04	6.99	0.07	44.27MLN
HNG	11.50	6.98	0.22	8.80MLN
PHC	15.35	6.97	0.01	906900
DTL	22.35	6.94	0.02	7600

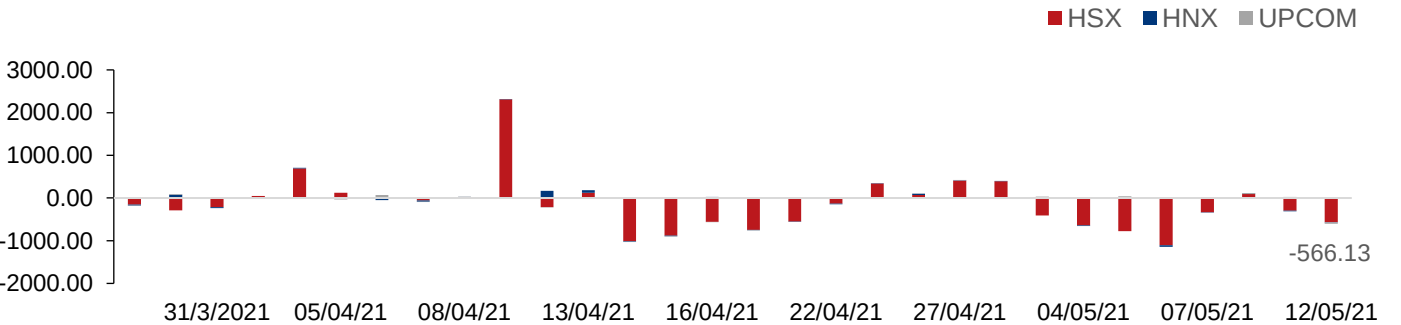
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CMV	15.40	-6.95	0.00	1800
TPC	8.41	-6.56	0.00	2100
PTC	9.10	-6.47	0.00	100.00
SVD	8.30	-6.32	0.00	801400
VPS	16.60	-6.21	-0.01	100100

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	15.8	1,400	11.3	1.0	Click
2	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	36.2	3,992	9.1	2.1	Click
3	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	71.0	577	123.1	4.1	Click
4	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	27.6	3,834	7.2	1.2	Click
5	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	45.0	4,765	9.4	1.8	Click
6	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	57.9	13,880	4.2	1.3	Click
7	DGC	Hóa chất	Theo dõi	23/2/21	58.4	72.8	69.9	5,505	12.7	2.9	Click
8	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	125.7	7,653	16.4	4.3	Click
10	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	18.3	1,928	9.5	0.9	Click
11	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	27.6	2,379	11.6	1.9	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	9/3/21	22.5	30.2	24.7	-61		1.9	Click
13	FPT	Viễn thông	Mua	11/3/21	76.7	86.0	85.4	4,718	18.1	4.0	Click
14	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	37.7	1,246	30.2	1.9	Click
15	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	41.9	7,082	5.9	1.9	Click
16	HPG	VLXD	Mua	26/2/21	45.4	55.6	62.7	5,476	11.5	3.1	Click
17	HSG	VLXD	Theo dõi	30/9/20	15.2	15.8	38.1	5,262	7.2	2.1	Click
18	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	16.5	1,566	10.5	1.1	Click
19	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	36.4	1,639	22.2	1.7	Click
20	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	37.1	2,140	17.3	2.5	Click
21	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	22.2			1.6	Click
22	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	35.5	3,258	10.9	1.4	Click
23	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	104.0	1,281	81.2	7.6	Click
24	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	139.5	9,051	15.4	3.8	Click
25	NLG	Bất động sản	Mua	23/2/21	25.0	34.6	39.7	4,008	9.9	1.7	Click
27	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	54.7	7,080	7.7	2.3	Click
28	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	25.2	2,120	11.9	1.6	Click
29	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	95.8	4,974	19.3	3.8	Click
30	POW	Điện	Mua	16/11/20	10.0	12.0	12.5	1,037	12.0	1.0	Click
31	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	21.1	0	137.2	0.6	Click
32	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	22.2	1,375	16.1	0.9	Click
35	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	151.7	7,561	20.1	4.9	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	21.5	1,131	19.0	1.7	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	49.3	4,074	12.1	2.2	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	97.3	5,709	17.0	3.6	Click
40	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	41.9	4,166	10.1	2.2	Click
41	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	15.5	570	27.2	1.3	Click
42	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	38.2	3,837	10.0	1.3	Click
43	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	91.8	4,682	19.6	6.1	Click
44	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	97.7	7,874	12.4	3.5	Click
45	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	27.0	1,091	24.7	2.3	Click
46	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	9.7	600	16.2	0.9	Click
47	GE2	Điện	Mua	20/1/20		25.5					Click
48	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
48	SCS	Hàng Không	Theo dõi	4/1/20	128.5	140.0	127.0	9,476	13.4	6.0	Click
49	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	64.0	4,626	13.8	2.8	Click
50	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	31.2	1,175	26.5	2.4	Click
51	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	87.0	4,060	21.4	6.0	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
2	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
3	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
4	Banking Sector Outlook		x	Click
5	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
6	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
7	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
8	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
9	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
10	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
12	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
13	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
14	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
15	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
17	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
18	Fishery Outlook 2021		x	Click
19	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
20	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
21	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
22	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
23	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
24	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
25	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
27	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
28	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
29	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
30	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
32	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
33	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
34	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
35	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
36	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
37	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
38	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
39	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
40	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express AGG 2021Q1	1/4/21	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 34380 Kế hoạch 2021: Dự kiến doanh thu chủ yếu đến từ (i) mảng bán căn hộ - tiến hành bàn giao các dự án River Panorama 1 & 2, Sky89, The Sóng và The Standard; (ii) Ngoài ra, dự kiến dự án West gate sẽ hỗ trợ doanh thu mảng tư vấn và môi giới trong 2021. Khuyến nghị NĂM GIỮ ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish
Express ELC 2021Q1	23/3/21	Dự báo KQKD: Kế hoạch năm 2021. doanh thu ~ 800 tỷ (không bao gồm các dự án liên quan đến gói ITS cao tốc), tỷ suất lợi nhuận cải thiện. Sau năm 2021: Doanh thu trên 1,000 tỷ ELC dự kiến Q3.2021 đấu thầu gói ITS của đường cao tốc, 2021 đấu thầu 3 – 4 gói ITS nội đô ở tỉnh. Có 500 tỷ doanh thu từ 2020 chuyển sang (tỷ trọng các mảng cân bằng) Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 55600 ; Giá tại Publish 45350
HPG 2021Q1	26/2/21	Cập nhật KQKD: BSC dự báo doanh thu 2021 của HPG đạt 116,437 tỷ đồng (+29.2% YoY), LNST 18,981 tỷ đồng (+41.2% YoY, +35% so với dự báo gần nhất của chúng tôi), tương đương EPS = 5,526 đồng/CP (giả định trích quỹ khen thưởng phúc lợi 5%).

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639